

Số: /KH-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2022

KẾ HOẠCH

Triển khai Nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số trên địa bàn tỉnh Bình Định

Thực hiện Quyết định số 186/QĐ-BTTTT ngày 11/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt Chương trình thúc đẩy phát triển và sử dụng các nền tảng số quốc gia phục vụ chuyển đổi số, phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số; Quyết định số 392/QĐ-BTTTT ngày 02/3/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt Kế hoạch phát triển Nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số; Công văn số 923/BTTTT-QLDN ngày 15/3/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc triển khai Kế hoạch triển khai Nền tảng địa chỉ số gắn với bản đồ số tại địa phương;

Trên cơ sở đề nghị của Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 26/TTr-STTTT ngày 28/4/2022; Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định ban hành Kế hoạch triển khai Nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số trên địa bàn tỉnh Bình Định (gọi tắt là *Kế hoạch*), với những nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Phát triển Nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số trên địa bàn tỉnh với cấu trúc được Bộ Thông tin và Truyền thông quy định nhằm thúc đẩy phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

- Hình thành cơ sở dữ liệu địa chỉ số trên địa bàn tỉnh để tích hợp trong cơ sở dữ liệu địa chỉ số quốc gia, đồng thời chia sẻ cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp khai thác, xây dựng các bản đồ số chuyên ngành phục vụ nhu cầu quản lý và phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn tỉnh.

2. Yêu cầu

- Phối hợp chặt chẽ, đồng bộ, hiệu quả giữa các bên (Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính, UBND các huyện, thị xã, thành phố, UBND các xã, phường, thị trấn, doanh nghiệp phát triển Nền tảng địa chỉ số và các doanh nghiệp phát triển nền tảng bản đồ số) để triển khai Kế hoạch.

- Thực hiện hiệu quả công tác truyền thông, thông tin về Kế hoạch trên các phương tiện thông tin đại chúng: báo chí, phát thanh truyền hình, thông tin cơ sở, thông tin đối ngoại, nền tảng số, mạng xã hội.

II. NỘI DUNG TRIỂN KHAI

1. Tạo lập, cập nhật cơ sở dữ liệu địa chỉ số quốc gia

1.1. Thu thập, cập nhật, bổ sung dữ liệu thông tin địa chỉ số cho các đối tượng tại Phụ lục II vào cơ sở dữ liệu địa chỉ số của tỉnh. Một địa chỉ số khi thu thập, cập nhật dữ liệu phải đảm bảo tối thiểu có đủ các trường thông tin cơ bản.

1.2. Khuyến khích việc thu thập, cập nhật các trường thông tin nâng cao để phục vụ công tác thông báo địa chỉ số và phát triển nền tảng, cơ sở dữ liệu (CSDL) địa chỉ số đáp ứng nhu cầu kinh tế - xã hội.

2. Triển khai và thúc đẩy sử dụng các dịch vụ Nền tảng địa chỉ số gắn với bản đồ số

2.1. Triển khai và thúc đẩy sử dụng các dịch vụ về địa chỉ số như: tìm kiếm địa chỉ, gợi ý địa chỉ số, xác thực địa chỉ, định danh tọa độ/địa chỉ và các dịch vụ địa chỉ số khác.

2.2. Triển khai và thúc đẩy sử dụng các dịch vụ chia sẻ dữ liệu địa chỉ số phục vụ nhu cầu nghiệp vụ, hoạt động sản xuất, kinh doanh của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

2.3. Thúc đẩy chia sẻ dữ liệu, kết hợp xây dựng nền tảng bản đồ số và phát triển các ứng dụng bản đồ số phục vụ các ngành, lĩnh vực như: bản đồ dịch tễ, bản đồ vùng an toàn dịch bệnh, bản đồ y tế, bản đồ giáo dục, bản đồ du lịch, bản đồ nông sản, bản đồ cột nước cứu hỏa v.v....

2.4. Triển khai các dịch vụ ứng dụng Nền tảng địa chỉ số gắn với bản đồ số khác.

3. Thông báo địa chỉ số và gắn biển địa chỉ số

3.1. Tổ chức thông báo thông tin Mã địa chỉ số đến chủ sở hữu và người quản lý đối tượng được gán địa chỉ, bao gồm:

a) Chủ sở hữu đối tượng/công trình được gán địa chỉ số (đối với địa chỉ nhà ở, cơ sở sản xuất, kinh doanh, công trình của cá nhân, hộ gia đình).

b) Người đại diện theo pháp luật của tổ chức sở hữu đối tượng/công trình được gán địa chỉ số (đối với địa chỉ trụ sở cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp hoặc công trình thuộc sở hữu tập thể).

c) Người đang sử dụng/quản lý đối tượng/công trình được gán địa chỉ số.

3.2. Hình thức thông báo:

Việc thông báo địa chỉ số tới chủ địa chỉ có thể qua các kênh như: qua chính quyền cấp xã, thôn, làng, khu phố; qua tổ công nghệ cộng đồng; gặp trực tiếp hoặc gửi qua tin nhắn, email, đường thư.

3.3. Gắn biển địa chỉ số:

a) Biển địa chỉ số chứa thông tin Mã địa chỉ số được gắn vào đối tượng/công trình được gán địa chỉ để nhận biết địa chỉ số của đối tượng.

b) Ban hành mẫu Biển địa chỉ số thống nhất trong toàn tỉnh theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.

c) Khuyến khích các địa phương triển khai đồng bộ việc gắn biển địa chỉ số với nguồn kinh phí xã hội hóa hoặc được hỗ trợ từ ngân sách phù hợp quy định pháp luật và điều kiện thực tế của từng địa phương.

4. Tổ chức công tác thông tin, tuyên truyền về Nền tảng địa chỉ số quốc gia và dữ liệu địa chỉ số của tỉnh

4.1. Nội dung thông tin, tuyên truyền:

Kế hoạch phát triển Nền tảng địa chỉ số gắn với bản đồ số của Bộ Thông tin và Truyền thông, địa phương; Giới thiệu chức năng, tính năng chính, lợi ích khi sử dụng, hiệu quả hoạt động của Nền tảng địa chỉ số, hướng dẫn sử dụng; Vinh danh tổ chức, doanh nghiệp điển hình phát triển, sử dụng Nền tảng địa chỉ số; Các nội dung khác liên quan đến phát triển và sử dụng Nền tảng địa chỉ số.

4.2. Phương thức thông tin, tuyên truyền:

Xây dựng tài liệu, ấn phẩm truyền thông; Thường xuyên thông tin, tuyên truyền, quảng bá trên các phương tiện thông tin đại chúng, báo chí, đài phát thanh, truyền hình và qua mạng Internet nhằm nâng cao nhận thức của cộng đồng doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân; Xây dựng, tổng hợp và cung cấp thông tin cho báo chí, truyền thông để tuyên truyền, quảng bá Nền tảng địa chỉ số quốc gia; Tổ chức các chiến dịch truyền thông, quảng bá Nền tảng địa chỉ số quốc gia; Truyền thông qua hệ thống truyền thanh cơ sở; Thông tin, tuyên truyền theo các phương thức khác.

4.3. Tổ chức các hội thảo, hội nghị, tọa đàm về phát triển và sử dụng Nền tảng địa chỉ số quốc gia.

4.4. Triển khai tập huấn, hướng dẫn địa phương, doanh nghiệp sử dụng, khai thác Nền tảng địa chỉ số quốc gia phục vụ cho các mục tiêu của tỉnh.

III. DANH MỤC NHIỆM VỤ TRIỂN KHAI NĂM 2022

Phân công nhiệm vụ triển khai Kế hoạch phát triển Nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số trên địa bàn tỉnh năm 2022 (*Chi tiết tại Phụ lục III*).

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp nhiệm vụ chi hiện hành và các nguồn hợp pháp khác.

2. Các cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ trong dự toán ngân sách hàng năm được cấp có thẩm quyền giao.

3. Khuyến khích việc huy động các nguồn kinh phí ngoài ngân sách theo quy định của pháp luật để triển khai thực hiện Kế hoạch.

4. Các doanh nghiệp chủ động bố trí kinh phí và các nguồn lực của đơn vị để thực hiện Kế hoạch.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Thông tin và Truyền thông

1.1. Là cơ quan đầu mối, chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai Kế hoạch.

1.2. Phối hợp với Bưu điện tỉnh Bình Định thu thập, cập nhật, bổ sung dữ liệu thông tin địa chỉ số cho các đối tượng vào CSDL địa chỉ số quốc gia (*tối thiểu cho các đối tượng Mục I, II Phụ lục II*) trên địa bàn tỉnh.

1.3. Phối hợp với Bưu điện tỉnh Bình Định, doanh nghiệp phát triển nền tảng bản đồ số triển khai và thúc đẩy sử dụng các dịch vụ Nền tảng địa chỉ số gắn với bản đồ số trên địa bàn tỉnh.

1.4. Xây dựng phương án thông báo địa chỉ số cho chủ địa chỉ hoặc người đang khai thác, sử dụng địa chỉ. Chủ động thiết kế mẫu biển địa chỉ số phù hợp đặc thù tại tỉnh Bình Định trên cơ sở mẫu chung do Bộ Thông tin và Truyền thông quy định hoặc sử dụng mẫu do Bộ Thông tin và Truyền thông quy định. Phối hợp với UBND các huyện, thị xã, thành phố và UBND các xã, phường, thị trấn, các đơn vị liên quan: Thông báo Mã địa chỉ số đến chủ sở hữu và người quản lý đối tượng được gán địa chỉ; Hướng dẫn cho chủ địa chỉ hoặc người đang khai thác, sử dụng địa chỉ tự gán biển địa chỉ số theo nhu cầu.

1.5. Tổ chức tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng và qua hệ thống truyền thanh cơ sở về việc triển khai Nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số.

1.6. Chủ trì, phối hợp với Bưu điện tỉnh và các đơn vị liên quan thu thập, bổ sung các trường thông tin nâng cao của địa chỉ số cho các đối tượng vào cơ sở dữ liệu quốc gia (*tối thiểu cho các đối tượng Mục I, II Phụ lục II*).

1.7. Phối hợp doanh nghiệp được giao nhiệm vụ phát triển Nền tảng địa chỉ số, doanh nghiệp phát triển nền tảng bản đồ số thu thập, cập nhật thông tin các đối tượng địa chỉ khác để xây dựng các bản đồ số chuyên ngành theo nhu cầu thực tế của các ngành, lĩnh vực (nếu có nhu cầu).

1.8. Kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Kế hoạch; Tổng hợp kết quả, báo cáo Bộ Thông tin và Truyền thông, UBND tỉnh theo quy định.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường

Phối hợp, cung cấp cho Sở Thông tin và Truyền thông, Bưu điện tỉnh thông tin dữ liệu liên quan đến bản đồ số, địa chỉ số để phát triển nền tảng bản đồ số, Nền tảng địa chỉ số của tỉnh; Thu thập các trường thông tin cơ bản của địa chỉ số được phân loại tại Phụ lục II Kế hoạch này và bổ sung các địa chỉ số mới (nếu có) để tạo lập CSDL địa chỉ số của tỉnh.

3. Sở Tài chính

Tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí và hướng dẫn sử dụng kinh phí từ Ngân sách tỉnh để triển khai Nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số trên địa bàn tỉnh theo quy định hiện hành.

4. UBND các huyện, thị xã, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn

4.1. Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng phương án thông báo địa chỉ số; Thông báo thông tin Mã địa chỉ số đến chủ sở hữu và người quản lý đối tượng được gán địa chỉ; Tổ chức gắn biển địa chỉ số cho các đối tượng trên địa bàn khi có Mã địa chỉ số; Hướng dẫn cho chủ địa chỉ hoặc người đang khai thác, sử dụng địa chỉ tự gắn biển địa chỉ số theo nhu cầu.

4.2. Chỉ đạo các phòng, ban, đoàn thanh niên, hội phụ nữ, tổ công nghệ cộng đồng và đơn vị liên quan phối hợp với Bưu điện tỉnh cập nhật thông tin địa chỉ các đối tượng tại Mục I, II Phụ lục II.

4.3. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về triển khai Nền tảng địa chỉ số quốc gia trên địa bàn.

4.4. Định kỳ hàng tháng, quý, năm hoặc đột xuất (khi được yêu cầu) báo cáo theo quy định tại Phụ lục IV gửi Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

5. Báo Bình Định, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Bình Định

Tổ chức công tác thông tin, tuyên truyền về Nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số các loại hình thông tin của tỉnh.

6. Bưu điện tỉnh Bình Định

6.1. Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng, phê duyệt và triển khai Kế hoạch phát triển Nền tảng địa chỉ số gắn với bản đồ số tại tỉnh Bình Định năm 2022, gửi Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo Bộ Thông tin và Truyền thông và UBND tỉnh.

6.2. Nghiên cứu, vận hành, phát triển Nền tảng địa chỉ số gắn với bản đồ số đảm bảo cung cấp các dịch vụ cơ bản của Nền tảng địa chỉ số (tra cứu, tạo địa chỉ số, đăng ký địa chỉ số, xác thực địa chỉ số) và cung cấp dịch vụ nâng cao của Nền tảng địa chỉ số (chỉ đường, dẫn đường đến địa chỉ số) trên địa bàn tỉnh.

6.3. Chủ trì, phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tài nguyên và Môi trường và UBND các huyện, thị xã, thành phố, UBND các xã, phường, thị trấn thu thập các trường thông tin cơ bản của địa chỉ số được phân loại tại Phụ lục II Kế hoạch này) và bổ sung các địa chỉ số mới (nếu có) để tạo lập CSDL địa chỉ số của tỉnh.

6.4. Xây dựng phương án truyền thông về Nền tảng địa chỉ số để chủ địa chỉ, người đang sử dụng, khai thác địa chỉ biết, sử dụng, tạo thói quen sử dụng địa chỉ số trong xã hội.

6.5. Xây dựng quy trình cấp tài khoản người dùng: khai báo, tạo lập, xác thực địa chỉ.

6.6. Chủ trì, phối hợp các doanh nghiệp phát triển nền tảng bản đồ số tích hợp với Nền tảng địa chỉ số.

6.7. Định kỳ tháng, quý, năm hoặc đột xuất khi được yêu cầu có báo cáo theo quy định tại Phụ lục IV gửi Sở Thông tin và Truyền thông về kết quả, tiến độ thực hiện Kế hoạch.

7. Các doanh nghiệp phát triển nền tảng bản đồ số

7.1. Doanh nghiệp bản đồ số trên địa bàn tỉnh có nhu cầu tham gia Kế hoạch gửi đăng ký cho Sở Thông tin và Truyền thông để tham gia khai thác, sử dụng CSDL địa chỉ số, Nền tảng địa chỉ số trên địa bàn tỉnh.

7.2. Nghiên cứu, vận hành, phát triển, truyền thông nền tảng bản đồ số của tỉnh.

7.3. Phối hợp với Bưu điện tỉnh tích hợp nền tảng bản đồ số.

7.4. Định kỳ tháng, quý, năm hoặc đột xuất khi được yêu cầu, có báo cáo

gửi Sở Thông tin và Truyền thông.

8. Các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu sử dụng, khai thác Nền tảng địa chỉ số gắn với bản đồ số

8.1. Các cơ quan, tổ chức, Doanh nghiệp, hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu sử dụng, khai thác Nền tảng địa chỉ số gắn với bản đồ số gửi đăng ký cho Sở Thông tin và Truyền thông để tham gia cùng khai thác, sử dụng CSDL địa chỉ số, Nền tảng địa chỉ số quốc gia nhằm phát triển bản đồ số quốc gia, bản đồ số chuyên ngành phục vụ chuyên đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số.

8.2. Tổ chức thông báo Mã địa chỉ số và gắn biển địa chỉ số đến chủ sở hữu và người quản lý đối tượng được gán địa chỉ; Hướng dẫn cho chủ địa chỉ hoặc người đang khai thác, sử dụng địa chỉ tự gắn biển địa chỉ số theo nhu cầu.

8.3. Định kỳ hàng tháng, quý, năm hoặc đột xuất (khi được yêu cầu) báo cáo theo quy định tại Phụ lục IV, gửi Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

Căn cứ Kế hoạch này, yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố, Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn tổ chức triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc; các cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Thông tin và Truyền thông) để xem xét, giải quyết theo quy định./.

Nơi nhận:

- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- TT Tỉnh ủy;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, TX, TP;
- UBND các xã, phường, thị trấn;
- Báo Bình Định, Đài PT&TH tỉnh;
- Bưu điện tỉnh Bình Định;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K9.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lâm Hải Giang

PHỤ LỤC I

CẤU TRÚC NỀN TẢNG ĐỊA CHỈ SỐ VÀ NGUYÊN TẮC GÁN ĐỊA CHỈ SỐ

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2022 của UBND tỉnh)

1. Các khái niệm

1.1. Địa chỉ số là tập hợp thông tin nhằm xác định vị trí, tọa độ của một địa danh hoặc một đối tượng bất kỳ gắn liền với đất (sau đây gọi chung là Đối tượng được gán địa chỉ số)

1.2. Đối tượng được gán địa chỉ số (gọi tắt là đối tượng) là nhà ở, trụ sở, cơ sở sản xuất kinh doanh, công trình xây dựng, địa danh hoặc bất cứ cấu trúc vật lý gắn liền với đất nào cần xác định vị trí để phục vụ nhu cầu đa dạng của người dân, doanh nghiệp, nhà nước và toàn xã hội. Đối tượng gán địa chỉ số được phân loại trong phụ lục II kèm theo.

1.3. Mã địa chỉ số được biểu diễn dưới dạng ký tự số, dễ nhớ, dễ sử dụng, đảm bảo tính duy nhất và có thể thay thế địa chỉ hành chính (nếu cần).

2. Cấu trúc địa chỉ số

Địa chỉ số bao gồm Mã địa chỉ số và các trường thông tin địa chỉ số

2.1. Mã địa chỉ số: gồm tập hợp 10 (mười) ký tự số, xác định đối tượng được gán địa chỉ số, cụ thể:

- Năm (05) ký tự số đầu gọi là Mã khu vực, xác định đơn vị hành chính cấp phường, xã và đơn vị hành chính tương đương.

- Năm (05) ký tự số tiếp theo gọi là Mã mở rộng, được gán ngẫu nhiên đến từng Đối tượng cụ thể.

Cấu trúc Mã địa chỉ số thể hiện trong hình sau:

Cấu trúc địa chỉ số

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
---	---	---	---	---	---	---	---	---	----

Mã khu vực

(tổ hợp 0-9, gán đến đơn vị hành chính cấp xã)

Được gán đến từng đơn vị hành chính cấp phường/xã.

Mã mở rộng

(tổ hợp 0-9, gán ngẫu nhiên tới từng địa chỉ vật lý cụ thể trong phạm vi khu vực)

Được gán đến từng nhà ở, trụ sở, công trình, địa điểm cần gán địa chỉ. Duy nhất cho mỗi khu vực

2.2. Các trường thông tin địa chỉ số

a) Các trường thông tin cơ bản

(1) Tên hoặc dấu hiệu nhận biết Đối tượng: là tên, mã số (nếu có) hoặc miêu tả đặc điểm, dấu hiệu nhận biết của đối tượng được gán địa chỉ số.

(2) Địa chỉ hành chính hoặc khu vực hành chính của Đối tượng: là địa chỉ hành chính (nếu có) như số nhà, tên đường, ..., hoặc thông tin khu vực hành chính của Đối tượng (như thôn/xóm, xã/phường, quận/huyện, tỉnh/thành phố).

(3) Loại đối tượng: thông tin về loại của Đối tượng được gán địa chỉ số theo quy định phân loại tại Phụ lục I Kế hoạch này.

(4) Tọa độ địa chỉ: là kinh độ, vĩ độ của vị trí cho phép tiếp cận Đối tượng được gán địa chỉ số từ đường giao thông (cổng vào, lối vào của Đối tượng); Trường hợp Đối tượng có cổng/cửa vào lớn thì lấy tọa độ vị trí trung tâm của cổng/cửa vào của Đối tượng làm tọa độ của địa chỉ.

b) Các trường thông tin nâng cao:

(1) Tên, số điện thoại di động, email của chủ sở hữu đối tượng được gán địa chỉ số (đối với địa chỉ nhà ở, cơ sở sản xuất, kinh doanh, công trình của cá nhân, hộ gia đình).

(2) Tên, số điện thoại di động, email của người đại diện theo pháp luật của tổ chức sở hữu đối tượng được gán địa chỉ số (đối với địa chỉ trụ sở cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp hoặc công trình thuộc sở hữu tập thể).

(3) Tên, số điện thoại di động, email của người đang sử dụng/quản lý đối tượng được gán địa chỉ số.

(4) Khuyến khích doanh nghiệp phát triển nền tảng địa chỉ số nghiên cứu, bổ sung các trường thông tin nâng cao để tăng giá trị sử dụng Nền tảng địa chỉ số phù hợp nhu cầu khai thác, sử dụng và phục vụ phát triển kinh tế số, xã hội số.

3. Nguyên tắc gán địa chỉ số

3.1. Một Đối tượng nếu có nhiều lối tiếp cận (lối vào) khác nhau từ đường giao thông (ví dụ cổng trước, cổng sau của 1 ngôi nhà) thì có thể được gán nhiều địa chỉ số; mỗi địa chỉ tương ứng với một lối tiếp cận Đối tượng.

3.2. Đối với Đối tượng có nhiều địa chỉ số (có nhiều lối tiếp cận/lối vào) thì trường thông tin về “Tên hoặc dấu hiệu nhận biết đối tượng” của mỗi địa chỉ số của Đối tượng đó cần ghi rõ thông tin phân biệt (ví dụ: cổng trước hoặc cổng sau của Tòa nhà xxx).

3.3. Đối với loại Đối tượng có kết cấu theo chiều dài tiếp giáp dọc đường giao thông và có thể tiếp cận đối tượng từ bất cứ chỗ nào dọc đoạn đường giao thông đó (ví dụ 1 quả đồi, công viên có đường vòng quanh và không có hàng rào) thì cách gán địa chỉ số cho Đối tượng áp dụng như đối với đường giao thông (đường phố, ngõ, ngách, ...), theo đó địa chỉ số của Đối tượng sẽ gồm địa chỉ điểm đầu, địa chỉ điểm cuối và địa chỉ các nút giao, cắt của con đường.

PHỤ LỤC II

PHÂN LOẠI ĐỐI TƯỢNG GÁN ĐỊA CHỈ SỐ

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2022 của UBND tỉnh)

I. Nhà ở cá nhân, hộ gia đình

1. Nhà ở cá nhân, hộ gia đình; nhà ở tập thể, khu nhà trọ; căn hộ (trong các toà nhà, chung cư); nơi cư trú khác.

II. Trụ sở cơ quan, tổ chức

2. *Trụ sở cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội:* (i) trụ sở Bộ, ban, ngành, cơ quan Trung ương và đơn vị trực thuộc; (ii) Trụ sở Tỉnh uỷ, UBND, HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, cơ quan sở, ban, ngành và đơn vị trực thuộc, đơn vị chuyên môn cấp tỉnh; (iii) Trụ sở Huyện uỷ, UBND, HĐND quận, huyện và đơn vị trực thuộc, đơn vị chuyên môn cấp huyện; (iv) Trụ sở Đảng uỷ, UBND, HĐND phường, xã và đơn vị trực thuộc, đơn vị chuyên môn cấp xã; (v) Trụ sở toà án, viện kiểm sát và đơn vị trực thuộc, đơn vị chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện; (vi) Nhà tù, trại giam, trại giáo dưỡng; (vii) Trụ sở các cơ quan đoàn thanh niên, hội phụ nữ, công đoàn; (viii) Trụ sở các hội, hiệp hội, liên hiệp hội và tổ chức chính trị - xã hội khác; (ix) Trụ sở các cơ quan nhà nước khác, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức nghề nghiệp khác. , cơ quan chuyên môn của nhà nước,

3. Trụ sở cơ quan ngoại giao, tổ chức quốc tế, tổ chức nước ngoài.

III. Các cơ sở dân sinh, kinh tế - xã hội

4. *Cơ sở giáo dục, đào tạo:* (i) Cơ sở giáo dục mầm non (nhà trẻ, trường/cơ sở mẫu giáo, mầm non); (ii) Cơ sở giáo dục/trường tiểu học; (iii) Cơ sở giáo dục/trường trung học cơ sở; (iv) Cơ sở giáo dục/trường trung học phổ thông, trường phổ thông liên cấp; (v) Cơ sở/trung tâm giáo dục thường xuyên; (vi) Cơ sở đào tạo/trường cao đẳng, đại học; (vii) Cơ sở đào tạo/trường dạy nghề, công nhân kỹ thuật, trung học chuyên nghiệp; (viii) Cơ sở/trung tâm đào tạo (ngoại ngữ, tin học, nghiệp vụ chuyên ngành, âm nhạc, mỹ thuật, kỹ năng sống, kỹ năng chuyên môn, ...); (ix) Cơ sở/trung tâm tư vấn giáo dục, đào tạo, du học; (x) Cơ sở giáo dục đào tạo khác.

5. *Cơ sở y tế, dược phẩm:* (i) Cơ sở y tế, khám chữa bệnh: bệnh viện đa khoa, bệnh viện chuyên khoa, trạm y tế, trung tâm y tế, điểm/phòng khám chữa bệnh, trung tâm xét nghiệm, trung tâm thí nghiệm y tế, sinh học, khu cách ly y tế, bệnh viện/trại tâm thần, cơ sở y tế khác; (ii) Cơ sở chăm sóc sức khoẻ: cơ sở/trung tâm chăm sóc sức khoẻ, thẩm mỹ viện, spa, massage, tatoo, cơ sở dưỡng lão, cơ sở chăm sóc sức khoẻ khác; (iii) Cơ sở thú y: bệnh viện thú y, trạm thú y, cơ sở thú y khác; (iv) Cơ sở dược phẩm, thiết bị y tế: nhà thuốc, cửa

hàng dược, cửa hàng thiết bị y tế, công ty/cơ sở sản xuất chế biến dược phẩm, công ty/cơ sở sản xuất thiết bị y tế; cơ sở dược phẩm, thiết bị y tế khác.

6. Cơ sở kinh doanh, bán buôn, bán lẻ, dịch vụ tư vấn, môi giới, sửa chữa, cho thuê: (i) chợ, siêu thị: chợ, chợ đầu mối, siêu thị, toà nhà thương mại, trung tâm mua sắm; (ii) cửa hàng bán lẻ, bán buôn: cửa hàng, cửa hiệu, đại lý bán buôn, đại lý bán lẻ, show room, cơ sở bán buôn, bán lẻ khác; (iii) Cơ sở dịch vụ công chứng, môi giới, quảng cáo: phòng công chứng, trung tâm tư vấn, trung tâm môi giới bất động sản, trung tâm quảng cáo, cơ sở môi giới khác; (iv) Cơ sở dịch vụ xe - máy, sửa chữa: đại lý xe - máy, cơ sở kinh doanh buôn bán xe - máy, đại lý cho thuê, trung tâm bảo hành, gara sửa chữa, cửa hàng sửa chữa, cơ sở dịch vụ xe - máy, dịch vụ sửa chữa khác; (v) Cơ sở dịch vụ studio, ảnh viện, dịch vụ cưới hỏi, ...

7. Cơ sở văn hoá: Trung tâm hội nghị, hội thảo, nhà văn hóa, câu lạc bộ; Bảo tàng, thư viện, triển lãm, nhà trưng bày; Nhà hát, trung tâm ca nhạc, điểm biểu diễn, rạp chiếu phim, rạp xiếc, rạp múa rối, cơ sở biểu diễn nghệ thuật khác; Di tích lịch sử, nhà/khu bảo tồn văn hoá; Cơ sở văn hóa khác;

8. Cơ sở thể dục, thể thao: Sân vận động, sân bóng đá, sân thi đấu, nhà thi đấu, sân tennis, sân thể thao ngoài trời, sân gôn, sân thể thao khác; Khu tập luyện thể thao, bể bơi, phòng tập gym, yoga, điểm tập luyện thể dục thể thao khác; Cửa hàng, cơ sở bán trang thiết bị, công cụ, dụng cụ thể thao; Cơ sở sản xuất trang thiết bị, công cụ, dụng cụ thể thao; Các cơ sở thể thao khác.

9. Cơ sở, địa danh du lịch, giải trí, ăn uống, lưu trú, đi lại: (i) Điểm du lịch, đi lại: điểm du lịch, danh lam, thắng cảnh, công viên cây xanh, vườn bách thảo, sở thú, khu bảo tồn, khu sinh thái, bãi biển, điểm checkin; bến xe, bến tàu, sân bay, điểm đón trả khách; ... (ii) Cơ sở dịch vụ du lịch, đi lại: đại lý du lịch, trung tâm thông tin du lịch, điểm đặt tour du lịch, trung tâm điều hành tour du lịch, đại lý vé máy bay, tàu, thuyền, cơ sở dịch vụ du lịch, đi lại khác (ii) Cơ sở giải trí: điểm vui chơi giải trí, vũ trường, karaoke, quán bi-a, quán game, cơ sở vui chơi giải trí khác,...; (iii) Cơ sở ẩm thực, ăn uống: khu ẩm thực, nhà hàng, quán ăn, hàng ăn, quán bia, quán rượu, quán bar, pub, quán cà phê, quán giải khát,... (iv) Cơ sở lưu trú: khu nghỉ dưỡng, resort, khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ, homestay, ký túc xá, nhà trọ; (v) Cơ sở du lịch, ăn uống, lưu trú, đi lại khác.

10. Cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng: đình, đền, chùa, miếu thờ, nhà thờ, tượng phật, tượng thánh, nhà tưởng niệm, nhà tang lễ, lăng mộ, nghĩa trang, cơ sở hoá táng, cửa hàng đồ ma chay hiếu hỉ thờ cúng, công trình tôn giáo khác.

11. Cơ sở bưu chính, viễn thông: (i) Bưu chính, chuyển phát: bưu cục, điểm giao nhận hàng chuyển phát, trung tâm chia chọn, trụ sở doanh nghiệp bưu chính chuyển phát, điểm văn hoá xã, cơ sở bưu chính khác; (ii) Viễn thông - Internet: điểm giao dịch viễn thông - internet, đại lý internet, trụ sở doanh nghiệp viễn

thông - internet, cơ sở viễn thông, công trình viễn thông, cột ăng ten viễn thông, trạm chuyển phát, cột/đường cáp tín hiệu, các cơ sở công trình viễn thông khác.

12. Cơ sở, công trình báo chí, xuất bản, phát thanh, truyền hình: trụ sở các cơ quan báo chí, nhà xuất bản, tạp chí, đài phát thanh, truyền hình, nhà trạm phát sóng, cột ăng ten phát thanh truyền hình, trạm chuyển phát, các cơ sở, công trình báo chí, phát thanh, truyền hình khác.

13. Các cơ sở, doanh nghiệp công nghệ số: trụ sở các doanh nghiệp công nghệ thông tin, doanh nghiệp điện tử, doanh nghiệp nền tảng số, trung tâm phần mềm, phòng thí nghiệm, thử nghiệm công nghệ (test lab), cơ sở nghiên cứu công nghệ, các cơ sở công nghệ số khác.

14. Các cơ sở ngân hàng, tài chính, bảo hiểm: (i) Cơ sở ngân hàng: trụ sở ngân hàng, điểm giao dịch tín dụng, cây ATM, điểm đổi tiền, trung tâm trung gian tiền tệ, cơ sở dịch vụ ngân hàng khác; (ii) Cơ sở tài chính: trụ sở các tổ chức tài chính, cơ sở dịch vụ tài chính, quỹ đầu tư; (iii) Cơ sở chứng khoán: trụ sở các tổ chức chứng khoán, sàn giao dịch chứng khoán; (iv) Cơ sở kinh doanh vàng bạc đá quý và đồ trang sức; (v) trụ sở các tổ chức bảo hiểm, cơ sở dịch vụ bảo hiểm; (vi) Các cơ sở dịch vụ tài chính, ngân hàng, bảo hiểm khác.

15. Cơ sở vận tải, logistic: bến xe, bến tàu thuyền, bến cảng, nhà ga, sân bay, bến hành khách, bến hàng hoá, âu tàu, khu chuyên tải; khu neo đậu; khu tránh, trú bão, bến phà, bến đò, bến sông, kho bãi, trạm thu phí, điểm dừng chân, điểm đón trả khách, trạm chờ xe buýt, bãi đỗ xe, đại lý vận tải, đại lý giao nhận, đại lý dịch vụ logistic, cửa hàng/Trạm bán lẻ xăng, dầu, khí hóa lỏng; trạm cấp/sạc điện, pin điện, thay ắc quy, các cơ sở vận tải, logistic khác.

16. Nhà máy, công xưởng, cơ sở sản xuất công nghiệp nhẹ: nhà máy, cơ sở sản xuất công nghiệp thực phẩm (bánh, kẹo, sữa, mỳ ăn liền, rượu, bia, nước giải khát; nhà máy, cơ sở sản xuất chế biến nông, thủy, hải sản; nhà máy, cơ sở sản xuất công nghiệp tiêu dùng (dệt, sợi, in, nhuộm, may mặc, da, giày, nhựa, thủy tinh, giấy, thuốc lá, vi tính, điện tử); các cơ sở sản xuất công nghiệp nhẹ khác.

17. Nhà máy, công xưởng, cơ sở sản xuất công nghiệp nặng: nhà máy, cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng, sản phẩm xây dựng; nhà máy, cơ sở luyện kim và cơ khí chế tạo; cơ sở khai thác mỏ và chế biến khoáng sản; cơ sở khai thác, chế biến, lưu trữ dầu khí; nhà máy, cơ sở sản xuất, công trình điện (nhiệt điện, thủy điện, điện hạt nhân, điện gió, điện mặt trời, điện thủy triều, điện khí, đường dây và trạm biến áp); nhà máy, cơ sở sản xuất hoá chất (sản xuất phân bón và hóa chất bảo vệ thực vật; sản xuất sản phẩm hóa chất cơ bản, hóa dầu, hóa dược, hóa mỹ phẩm và hóa chất khác; sản xuất sản phẩm nguồn điện hóa học; sản xuất, kho trạm chiết nạp khí công nghiệp; sản xuất sản phẩm cao su; sản xuất, chứa vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ; các cơ sở sản xuất công nghiệp nặng khác.

IV. Các công trình giao thông, xây dựng

18. Đường giao thông: đường cao tốc, đường ô tô, đường trong đô thị, đường nông thôn, đường chuyên dùng, đường xe đạp, đường đi bộ, đường sắt quốc gia, đường sắt đô thị, đường sắt chuyên dùng, cầu, nút giao thông (ngã ba, ngã tư, ...), hầm đi bộ sang đường, cầu đi bộ sang đường, các cơ sở hạ tầng giao thông khác;

19. Công trình cung cấp cơ sở, tiện ích hạ tầng kỹ thuật: Công trình cấp nước (nhà máy nước, trạm bơm cung cấp nước); Công trình thoát nước (hồ điều hoà, trạm bơm thoát nước, trạm xử lý nước thải, trạm bơm nước thải, trạm xử lý bùn); Cơ sở xử lý chất thải rắn (CTR); các cơ sở, tiện ích hạ tầng kỹ thuật khác.

20. Công trình xây dựng khác: gồm các loại công trình xây dựng theo quy định về phân loại, phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng¹ không nằm trong các loại nêu trên.

21. Cấu trúc xây dựng, cấu trúc vật lý gắn liền với đất (nhưng chưa được xếp loại công trình liệt kê ở trên) như cột cấp nước cứu hoả, cột đèn đường, cột biển báo giao thông, cây ATM, ...

V. Các khu, phân khu, lô đất, thửa đất

22. Các khu đô thị, khu thương mại dịch vụ, khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu nông nghiệp công nghệ cao, khu nông nghiệp đặc thù, các loại khu, phân khu khác.

23. Các thửa đất, lô đất, khu đất: đất ở tại nông thôn, đất ở tại đô thị; đất xây dựng trụ sở; Đất xây dựng công trình sự nghiệp; Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp; đất nông nghiệp (gồm đất trồng cây hàng năm, đất trồng cây lâu năm, đất rừng sản xuất, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối, và đất nông nghiệp khác.

VI. Các đối tượng khác

24. Cấu trúc tự nhiên gắn liền với đất (như mỏm đá, ao, hồ, gò, đồi, núi, ...).

25. Các loại địa điểm, công trình, cấu trúc vật lý, đối tượng gắn liền với đất khác cần xác định vị trí./.

¹ Tham khảo các loại công trình tại các phụ lục của Thông tư 06/2021/TT-BXD <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Xay-dung-Do-thi/Thong-tu-06-2021-TT-BXD-phan-cap-cong-trinh-xay-dung-480818.aspx>

PHỤ LỤC III

PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH NĂM 2022

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2022 của UBND tỉnh)

A. MỘT SỐ CHỈ TIÊU CƠ BẢN NĂM 2022:

1. 100% đối tượng được phân loại tại mục I, II Phụ lục II Kế hoạch được thu thập, cập nhật, bổ sung dữ liệu thông tin địa chỉ số; Khuyến khích thu thập, cập nhật, bổ sung dữ liệu thông tin địa chỉ số cho các đối tượng tại mục III phụ lục II của Kế hoạch này.

2. 100% chủ sở hữu và người quản lý đối tượng được gán địa chỉ số được phân loại tại mục I, II Phụ lục II Kế hoạch được thông báo thông tin Mã địa chỉ số; Khuyến khích thông báo cho các đối tượng tại mục III phụ lục II của Kế hoạch này.

3. Có ít nhất một ứng dụng bản đồ số được đưa vào sử dụng.

B. PHÂN CÔNG THỰC HIỆN MỘT SỐ NHIỆM VỤ CỦA KẾ HOẠCH NĂM 2022:

Stt	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
1	Tạo lập, cập nhật cơ sở dữ liệu địa chỉ số quốc gia		
a	Thu thập, cập nhật, bổ sung dữ liệu thông tin địa chỉ số cho các đối tượng Phụ lục II vào CSDL địa chỉ số quốc gia (tối thiểu cho các đối tượng tại các mục I, II Phụ lục II)	Bưu điện tỉnh Bình	Sở Thông tin và Truyền thông, Sở TN&MT, UBND các huyện, thị xã, thành phố, UBND xã, phường, thị trấn
b	Thu thập, bổ sung các trường thông tin nâng cao của địa chỉ số cho các đối tượng Phụ lục II vào CSDL địa chỉ số quốc gia (tối thiểu cho các đối tượng tại các mục I, II Phụ lục II)	Sở Thông tin và Truyền thông	Bưu điện tỉnh Bình Định, Sở TN&MT, UBND các huyện, thị xã, thành phố, UBND xã, phường, thị trấn
2	Triển khai và thúc đẩy sử dụng các dịch vụ nền tảng địa chỉ số gắn với bản đồ số		

Stt	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
a	Triển khai và thúc đẩy sử dụng các dịch vụ về địa chỉ số như: tìm kiếm địa chỉ, gợi ý địa chỉ số, xác thực địa chỉ, định danh tọa độ/địa chỉ và các dịch vụ địa chỉ số khác	Bưu điện tỉnh Bình Định	Sở Thông tin và Truyền thông
b	Triển khai và thúc đẩy sử dụng các dịch vụ chia sẻ dữ liệu địa chỉ số phục vụ nhu cầu nghiệp vụ, hoạt động sản xuất, kinh doanh của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp	Bưu điện tỉnh Bình Định	Sở Thông tin và Truyền thông
c	Thúc đẩy chia sẻ dữ liệu, kết hợp xây dựng nền tảng bản đồ số và phát triển các ứng dụng bản đồ số phục vụ các ngành, lĩnh vực như: bản đồ dịch tễ, bản đồ vùng an toàn dịch bệnh, bản đồ y tế, bản đồ giáo dục, bản đồ du lịch, bản đồ nông sản, bản đồ cột nước cứu hỏa, v.v....	Bưu điện tỉnh Bình Định	Doanh nghiệp phát triển Nền tảng bản đồ số/ Sở Thông tin và Truyền thông
d	Triển khai các dịch vụ ứng dụng nền tảng địa chỉ số gắn với bản đồ số khác.	Bưu điện tỉnh Bình Định	Doanh nghiệp phát triển Nền tảng bản đồ số/ Sở Thông tin và Truyền thông
3	Thông báo địa chỉ số và gắn biển địa chỉ số		
a	Thiết kế, phê duyệt mẫu Biển địa chỉ số của tỉnh, thành phố (trường hợp không dùng mẫu của Bộ Thông tin và Truyền thông)	Sở Thông tin và Truyền thông	UBND các huyện, thị xã, thành phố/ các sở, ban, ngành
b	Xây dựng phương án thông báo địa chỉ số cho chủ địa chỉ hoặc người đang khai thác, sử dụng địa chỉ	Sở Thông tin và Truyền thông	UBND các huyện, thị xã, thành phố/ các sở, ban, ngành
c	Thông báo thông tin Mã địa chỉ số đến chủ sở hữu và người quản lý đối tượng được gắn địa chỉ	Sở Thông tin và Truyền thông	UBND các huyện, thị xã, thành phố/ UBND các xã phường, thị trấn/ các sở, ban, ngành

Stt	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
d	Tổ chức triển khai gắn biển địa chỉ số cho các đối tượng Phụ lục II vào CSDL địa chỉ số quốc gia (ưu tiên cho các đối tượng tại các mục I, II Phụ lục II)	UBND các huyện, thị xã, thành phố/ UBND các xã phường, thị trấn/ các sở, ban, ngành	Sở Thông tin và Truyền thông
4	Tổ chức công tác thông tin, tuyên truyền về Nền tảng địa chỉ số quốc gia và kết quả triển khai Kế hoạch		
a	Xây dựng, in ấn tài liệu, ấn phẩm, thực hiện các phương thức khác để truyền thông.	Sở Thông tin và Truyền thông	Bưu điện tỉnh Bình Định
b	Triển khai tập huấn, hướng dẫn địa phương, doanh nghiệp sử dụng, khai thác Nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số	Sở Thông tin và Truyền thông	Bưu điện tỉnh Bình Định
c	Tuyên truyền qua hệ thống truyền thanh cơ sở	UBND các huyện, thị xã, thành phố/ UBND các xã, phường, thị trấn	Sở Thông tin và Truyền thông
5	Chủ trì, phối hợp doanh nghiệp được giao nhiệm vụ phát triển nền tảng địa chỉ số, doanh nghiệp phát triển nền tảng bản đồ số thu thập, cập nhật thông tin các đối tượng địa chỉ khác để xây dựng các bản đồ số chuyên ngành.	Bưu điện tỉnh Bình Định	Doanh nghiệp phát triển nền tảng bản đồ số/ Sở Thông tin và Truyền thông/ các sở, ban, ngành

PHỤ LỤC IV
BÁO CÁO TỔNG HỢP CHỈ TIÊU VỀ TRIỂN KHAI NỀN TẢNG ĐỊA
CHỈ SỐ GẮN VỚI BẢN ĐỒ SỐ TẠI BÌNH ĐỊNH

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày / /2022 của UBND tỉnh)

Đơn vị báo cáo:
 Tháng năm 202...

ST T	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số lượng đạt được trong kỳ báo cáo	Lũy kê đến kỳ báo cáo	Tỷ lệ hoàn thành chỉ tiêu lũy kê đến kỳ báo cáo (%)	Ghi chú
I	Số lượng đối tượng đã được thu thập, cập nhật, bổ sung dữ liệu thông tin địa chỉ số					Bru điện tỉnh báo cáo
1	Nhà ở cá nhân, hộ gia đình	Hộ gia đình				Chỉ tiêu bắt buộc báo cáo
2	Trụ sở cơ quan, tổ chức	Cơ quan				Chỉ tiêu bắt buộc báo cáo
3	Các cơ sở dân sinh, kinh tế xã hội	Cơ sở				Chỉ tiêu khuyến khích
4	Các công trình giao thông, xây dựng	Công trình				Chỉ tiêu khuyến khích
5	Các khu, phân khu, lô đất, thửa đất	Khu đất				Chỉ tiêu khuyến khích
6	Các đối tượng khác					Chỉ tiêu khuyến khích
II	Số lượng chủ sở hữu và người quản lý đối tượng được gắn địa chỉ số được thông báo thông tin Mã địa chỉ số					UBND các huyện, thị xã, thành phố
1	Nhà ở cá nhân, hộ gia đình	Hộ gia đình				Chỉ tiêu bắt buộc báo cáo
2	Trụ sở cơ quan, tổ chức	Cơ quan				Chỉ tiêu bắt buộc báo cáo
3	Các cơ sở dân sinh, kinh tế xã hội	Cơ sở				Chỉ tiêu khuyến khích
4	Các công trình giao thông, xây dựng	Công trình				Chỉ tiêu khuyến khích
5	Các khu, phân khu, lô đất, thửa đất	Khu đất				Chỉ tiêu khuyến khích
6	Các đối tượng khác					Chỉ tiêu khuyến khích
III	Số lượng đối tượng, công trình được gắn biển địa chỉ số	Biển				UBND các huyện, thị xã, thành phố
IV	Số ứng dụng bản đồ số được đưa vào sử dụng	Ứng dụng				Sở, ngành, UBND cấp huyện, Bru điện tỉnh báo cáo

